

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
TRUNG TÂM Y TẾ HIỆP ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/YCBG-TTYT
V/v mời chào giá Thiết bị y tế

Hiệp Đức, ngày 13 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp Thiết bị y tế tại Việt Nam

Thực hiện Công văn số 1764/SYT-KHTC, ngày 26/7/2023 của Sở Y tế Quảng Nam về một số lưu ý chuẩn bị hồ sơ trình dự toán mua sắm, sửa chữa nguồn ngân sách năm 2024.

Trung tâm Y tế Hiệp Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo làm căn cứ trình hồ sơ đề nghị Sở Y tế Quảng Nam mua sắm thiết bị y tế cho trung tâm năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Hiệp Đức;

Địa chỉ: 121 Hùng Vương – thị trấn Tân Bình – huyện Hiệp Đức – tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Cn Phạm Văn Trước, Phó Trưởng phòng TCHC và TCKT; Số điện thoại: 0905.842.145; Địa chỉ mail: truocketoanhd@gmail.com.

- Hoặc Nguyễn Thị Huyền, nhân viên phụ trách văn thư TTYT; Số điện thoại: 0979.486.027.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện tại: phòng TCHC và TCKT TTYT Hiệp Đức.

Địa chỉ: 121 Hùng Vương – thị trấn Tân Bình – huyện Hiệp Đức – tỉnh Quảng Nam.

- Nhận qua mail: truocketoanhd@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 13/10/2023 đến 16h00 ngày 25/10/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu là 90 ngày, kể từ ngày 25/10/2023.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Máy đo khúc xạ tự động	(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)	01	Máy
2	Máy đo tốc độ lắng máu tự động	(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)	01	Máy
3	Máy Theo dõi bệnh nhân 5 thông số	(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)	01	Máy
4	Máy Theo dõi bệnh nhân 7 thông số	(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)	01	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: tại Trung tâm Y tế huyện Hiệp Đức, 121 Hùng Vương – thị trấn Tân Bình – huyện Hiệp Đức – tỉnh Quảng Nam (Mô tả cụ thể tại phụ lục đính kèm trong bảng mô tả đính kèm theo)..

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng. Thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận được hàng hóa.

5. Các thông tin khác: không có

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế, kèm theo catalogue, phiếu tiếp nhận đủ điều kiện kinh doanh TTBYT, ; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website trung tâm;
- Lưu: VT, XN-CĐHA-D-VTTYT, TC-HC&TC-KT

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SS. HUỖNH VĂN HOÀNG



Phụ lục 1:
Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

(Kèm theo yêu cầu báo giá số: 13/YCBG-TTYT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Hiệp Đức)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Hiệp Đức

Trên cơ sở yêu cầu tại thư mời chào giá số...../TTYT ngày...../...../2023 của Trung tâm Y tế Hiệp Đức, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế).

Lưu ý: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt, kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra an ninh, an toàn; bảo trì, bảo hành (ghi rõ thời gian bảo hành) và các chi phí khác;

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

Đơn vị ghi đầy đủ ngày tháng năm báo giá, hiệu lực của báo giá và có chữ ký của người có thẩm quyền báo giá và đóng dấu của đơn vị.

.....ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.



Phụ lục 2:

YÊU CẦU CẤU HÌNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ

*(Kèm theo Thư mời chào giá thiết bị y tế số: 13.../ YCBG-TTYT,
Ngày 13/10/2023 của Trung tâm Y tế Hiệp Đức)*

**I. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 1:
MÁY ĐO KHÚC XẠ TỰ ĐỘNG**

Bao gồm:

- Máy chính
- Chân bàn điện điều chỉnh lên xuống
- Mặt bàn

Tính năng kỹ thuật:

Đo độ khúc xạ:

- Phạm vi đo (S): -25D đến +22D, mỗi bậc 0.12/0.25D
- Phạm vi trụ (C): 0 đến +/-10D, mỗi bậc 0.12/0.25D
- Góc trục (A): 0 độ -180 độ, mỗi bậc 1 độ hoặc 5 độ
- Đồng tử nhỏ nhất có thể đo được: o 2.0 mm
- Công nghệ đo lăng kính xoay cho phép đạt được kết quả chính xác.

Các thông số khác:

- Màn hình chạm LCD kích thước 8.5 inch
- Máy in được tích hợp bên trong thiết bị, sẵn sàng in ngay sau khi đã gần cuộn giấy in.
- Khoảng cách đo đường kính đồng tử (PD range): 20-85mm với mỗi bậc 1mm
- Hỗ trợ cổng: RS-232C và LAN (cổng ra), USB(cổng vào)
- Kích thước: Rộng 317mm x Dài 521mm x Cao 447-477mm
- Trọng lượng: 15Kg
- Nguồn cấp: 100-240V AC, 50-60Hz
- Công suất tiêu thụ: 30-70W



**II. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 2:
MÁY ĐO TỐC ĐỘ LẮNG MÁU TỰ ĐỘNG**

I. Yêu cầu chung

- Sản xuất năm 2022 trở về sau
- Chất lượng máy: mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương.
- Nguồn điện: 220V/50Hz.
- Môi trường hoạt động:
 - o Nhiệt độ vận hành: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
 - o Độ ẩm: $\geq 80\%$

II. Cấu hình

Máy chính tích hợp máy in nhiệt và đầu đọc mã vạch: 01 máy

- Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01 bộ.
- Ống máu lắng: 50 ống
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ

III. Thông số kỹ thuật:

- Ống máu lắng: lượng hút 1.1 – 1.3 ml máu
- Số kênh đo: ≥ 20 kênh đo

- Thời gian phân tích: 15 phút
- Khả năng phân tích tối đa: ≥ 80 mẫu/giờ
- Khả năng nạp mẫu: ≥ 20 mẫu một lần
- Kiểu nạp: ngẫu nhiên
- Kết quả: Westergren mm/h
- Nhiệt độ chính xác: có thể tự động bù nhiệt đến 18°C
- Phương pháp đo: hồng ngoại
- Dải đo: khoảng 0,2mm
- Dải kết quả: khoảng 1 mm/h
- Mức mẫu cho phép: $\geq 50\text{mm}$
- Màn hình hiển thị: GRAPHIC LCD
- Cổng kết nối giao diện RS 232

IV. Các yêu cầu khác:

Thời gian giao hàng: ≤ 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

Xuất xứ hàng hóa theo đúng chào giá (có giấy cam kết kèm theo)

Thời gian bảo hành máy kể từ ngày nghiệm thu ≥ 12 tháng

- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành, sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi lắp đặt, sử dụng.
- Phải có cơ sở vật chất và đội ngũ kỹ thuật có đủ khả năng bảo hành và bảo trì. Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ sau bán hàng trong vòng 01 tuần kể từ khi nhận được yêu cầu từ phía bên mua/người sử dụng
- Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp dịch vụ sau bán hàng sau thời gian bảo hành theo yêu cầu của người sử dụng. Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và Anh.

III. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 3: MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ

Bao gồm:

- Máy chính
- Bộ cảm biến đo huyết áp không xâm lấn người lớn
- Bộ cảm biến đo SpO2 người lớn
- Bộ cảm biến đo nhiệt độ
- Bộ cảm biến đo ECG
- Dây nguồn, Adapter, Pin sạc
- Hướng dẫn sử dụng

Tính năng kỹ thuật:

Theo dõi các thông số sinh hiệu của bệnh nhân HSCC: Điện tim, nhịp thở, huyết áp không xâm lấn, SpO2, Nhiệt độ.

Các thông số khác:

- Màn hình chạm LCD kích thước 17 inch, điều khiển bằng cảm ứng

- Chức năng chỉ dẫn thông minh cho người sử dụng trực tiếp
- Chức năng đo chỉ số khuếch đại xung - PI (Pulse-amplitude Index)
- Tính năng đo huyết áp không xâm lấn thông minh (iNIBP)
- Chế độ ngủ (sleep mode): chế độ ngủ ngắn monitor không làm phiền bệnh nhân

trong quá trình ngủ hoặc trong thời gian khác

- Tính năng nâng cấp độ báo động (Alarm escalation)
- Pin Lithium có thể sạc lại, hoạt động trên 60 phút
- Kích thước: 160mm x 99mm x 71mm
- Trọng lượng: 06 kg
- Nguồn cấp: 100-240V AC, 50-60Hz
- Công suất tiêu thụ: 30-70W

IV. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 4: MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 7 THÔNG SỐ

Bao gồm:

- 01 máy chính + bộ phụ kiện kèm theo
- Bộ sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh
- Thiết bị phải đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO13485; FDA; CE hoặc tương đương

Thông số kỹ thuật:

Các thông số đo tối thiểu phải có:

- Điện tim ECG
- Nhịp thở
- SpO2
- Huyết áp không xâm lấn (NIBP)
- Huyết áp xâm lấn IBP (tối đa 2 kênh)
- Nhiệt độ, CO2 (mainstream và sidestream)

Các thông số khác:

Thông số điều kiện môi trường:

Điều kiện hoạt động:

- Nhiệt độ : 0~ 40 °C
- Độ ẩm tương đối : ≤ 80 %
- Áp suất khí quyển : 70 ~106 kPa

Điều kiện khi vận chuyển và lưu kho:

- Nhiệt độ : 20~ 50 °C
- Độ ẩm tương đối : ≤ 93 %
- Áp suất khí quyển : 50 ~106 kPa

Thông số nguồn điện: Điện AC

- Điện áp đầu vào : 100 ~ 240 V
- Tần số : 50/60 Hz
- Công suất : 80 VA
- Cầu chì : T1.6AL, 250V, 20×5
- Thời gian hoạt động: ≥ 8 giờ

Pin:

- Số lượng pin : 1
- Loại pin : Axit chì hoặc lithium-ion

